



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Giám thị 1: Châu Lê Sơn

Ký tên:

Mã lớp học phần: 24211MH110429801

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 02/04/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Chọn	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt	Chọn	19/03/2005		1	10,0	muối	C25KT1	
2	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gám	21/03/2005		1	8,0	Tám phẩy không	C25KT1	
3	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005		1	7,5	Bảy phẩy năm	C25KT1	
4	2310110036	Nguyễn Gia	Huy	28/01/2005		1	7,8	Bảy phẩy tám	C25KT2	
5	2310110029	Từ Thiện	Hữu	14/01/2005		1	5,0	Năm phẩy không	C25KT2	
6	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005		1	4,5	Bốn phẩy năm	C25KT1	
7	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002		1	7,0	Bảy phẩy không	C25KT1	
8	2310110034	Hà Đặng Công	Minh	22/06/2005		1	3,3	Ba phẩy ba	C25KT2	
9	2310110035	Phạm Thu	Ngân	26/02/2005		1	5,5	Năm phẩy năm	C25KT2	
10	2310110037	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	21/06/2005		1	5,3	Năm phẩy ba	C25KT2	
11	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005		1	8,3	Tám phẩy ba	C25KT1	
12	2310110030	Ngô Thị Thảo	Ngọc	18/01/2005		1	7,0	Bảy phẩy không	C25KT2	
13	2310110050	Nguyễn Kim	Ngọc	09/06/2004		1	10,0	muối	C25KT2	
14	2310110043	Đặng Thị Quỳnh	Như	10/01/2005		1	9,5	Chín phẩy năm	C25KT2	
15	2310110051	Trần Thị Yến	Oanh	03/07/2005		1	8,0	Tám phẩy không	C25KT2	
16	2310110049	Nguyễn Nhật Hà	Quỳnh	01/10/2005		1	9,5	Chín phẩy năm	C25KT2	
17	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia	Quỳnh	02/09/2005		1	9,5	Chín phẩy năm	C25KT2	
18	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005		1	6,8	Sáu phẩy tám	C25KT1	
19	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005		1	2,5	Hai phẩy năm	C25KT1	
20	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005		1	5,3	Năm phẩy ba	C25KT1	
21	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005		1	6,5	Sáu phẩy năm	C25KT1	
22	2310110027	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/12/2005		1	6,0	Sáu phẩy không	C25KT2	
23	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005		1	6,5	Sáu phẩy năm	C25KT1	
24	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005		1	7,8	Bảy phẩy tám	C25KT1	
25	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005		1	6,3	Sáu phẩy ba	C25KT1	
26	2310110045	Lại Thụy Thanh	Trúc	11/03/2005		1	6,0	Sáu phẩy không	C25KT2	
27	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001		1	8,0	Tám phẩy không	C25KT1	
28	2310110046	Bùi Thị Ánh	Tuyết	17/06/2005		1	10,0	muối	C25KT2	
29	2310110048	Mai Thị Thê	Vy	12/09/2005		1	4,0	Bốn phẩy không	C25KT2	
30	2310110028	Nguyễn Thị Yến	Vy	26/09/2005		1	4,8	Bốn phẩy tám	C25KT2	
31	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005		1	5,5	Năm phẩy năm	C25KT1	
32	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001		1	5,8	Năm phẩy tám	C25KT1	
33	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005		1	8,0	Tám phẩy không	C25KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2310120002	Nguyễn Thị Như Ý	13/05/2002	<i>y</i>	1	9,0	<i>chỉ số chính xác</i>	C25KT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 34 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 34 / 34

Số sinh viên đạt: 32 Tỷ lệ đạt: 94 %

Ngày 03 tháng 9 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thanh
Trần Thị Hoa

Ngày 08 tháng 04 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

U
Trần Hồng Đạt



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN
Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Mã lớp học phần: 24211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: PM3

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	21/03/2005	C25KT1	<u>Agg</u>	6,0	Sau phải không
2	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiển	22/03/2005	C25KT1	<u>hiên</u>	6,0	Sau phải không
3	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1	<u>Khanh</u>	6,5	Sau phải không
4	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1	<u>Miền</u>	6,0	Sau phải không
5	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1	<u>Ng</u>	6,0	Sau phải không
6	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1	<u>Thái</u>	9,0	Sau phải không
7	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1	<u>Thư</u>	6,0	Sau phải không
8	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1	<u>Phạm</u>	6,0	Sau phải không
9	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1	<u>Trang</u>	6,5	Sau phải không
10	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1	<u>Trâm</u>	7,5	Sau phải không
11	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1	<u>Trâm</u>	10,0	Mười
12	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1	<u>Trâm</u>	7,0	Sau phải không
13	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1	<u>Tuyền</u>	6,0	Sau phải không
14	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1	<u>Vy</u>	6,0	Sau phải không
15	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1	<u>Yến</u>	7,0	Sau phải không
16	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1	<u>Yến</u>	10,0	Mười

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 0 Số bài thi: 16 / _____

Ngày 04 tháng 3 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần
Tôn Thị Hoa

Ngày 03 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần
Trần Hồng Đạt



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: 1M3

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110014	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	21/03/2005	C25KT1		6,5	Sau phòng năm	
2	2310110017	Nguyễn Ngọc	Hiền	22/03/2005	C25KT1		7,5	Bây phòng năm	
3	2310110018	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh	03/10/2005	C25KT1		10,0	Mười	
4	2310110001	Lê Chí	Miền	19/03/2002	C25KT1		8,5	Tám phòng năm	
5	2310110023	Lê Hồng	Ngọc	26/10/2005	C25KT1		7,5	Bây phòng năm	
6	2310110012	Hồ Hoàng Nhựt	Thái	10/12/2005	C25KT1		10,0	Mười	
7	2310110020	Đinh Thị Xuân	Thư	17/02/2005	C25KT1		6,5	Sáu phòng năm	
8	2310110010	Phạm Thị Anh	Thư	11/12/2005	C25KT1		7,5	Bây phòng năm	
9	2310110025	Nguyễn Lê Thiên	Trang	18/03/2005	C25KT1		7,5	Bây phòng năm	
10	2310110009	Lê Thị Bích	Trâm	19/11/2005	C25KT1		10,0	Mười	
11	2310110011	Phạm Phương	Trâm	14/12/2005	C25KT1		10,0	Mười	
12	2310110021	Phạm Thị Bích	Trâm	14/07/2005	C25KT1		10,0	Mười	
13	2310110003	Dương Thanh	Tuyền	14/09/2001	C25KT1		8,0	Tám phòng không	
14	2310110005	Nguyễn Thúy	Vy	27/12/2005	C25KT1		9,0	Chín phòng không	
15	2310110004	Huỳnh Thị Phi	Yến	18/03/2001	C25KT1		9,0	Chín phòng không	
16	2310110015	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/12/2005	C25KT1		10,0	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 0 . Số bài thi: 16 / 16 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hiền.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt.

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: PA1-9

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110036	Nguyễn Gia Huy	28/01/2005	C25KT2		8,0	Tam phần không	
2	2310110029	Từ Thiện Hữu	14/01/2005	C25KT2		6,0	Sáu phần không	
3	2310110034	Hà Đặng Công Minh	22/06/2005	C25KT2		6,0	Sáu phần không	
4	2310110035	Phạm Thu Ngân	26/02/2005	C25KT2		6,0	Sáu phần không	
5	2310110037	Nguyễn Hoàng Nghĩa	21/06/2005	C25KT2		5,0	Năm phần không	
6	2310110030	Ngô Thị Thảo Ngọc	18/01/2005	C25KT2		6,0	Sáu phần không	
7	2310110050	Nguyễn Kim Ngọc	09/06/2004	C25KT2		10,0	Mười	
8	2310110043	Đặng Thị Quỳnh Như	10/01/2005	C25KT2		10,0	Mười	
9	2310110051	Trần Thị Yến Oanh	03/07/2005	C25KT2		7,5	Bảy phần năm	
10	2310110049	Nguyễn Nhứt Hà Quyên	01/10/2005	C25KT2		8,5	Tám phần năm	
11	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia Quỳnh	02/09/2005	C25KT2		8,5	Tám phần năm	
12	2310110027	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/12/2005	C25KT2		7,0	Bảy phần không	
13	2310110045	Lại Thụy Thanh Trúc	11/03/2005	C25KT2		6,5	Sáu phần năm	
14	2310110046	Bùi Thị Ánh Tuyết	17/06/2005	C25KT2		10,0	Mười	
15	2310110048	Mai Thị Thế Vy	12/09/2005	C25KT2		6,0	Sáu phần không	
16	2310110028	Nguyễn Thị Yến Vy	26/09/2005	C25KT2		6,0	Sáu phần không	
17	2310120002	Nguyễn Thị Như Ý	13/05/2002	C25KT2		10,0	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 . Số bài thi: 17 / 17 .Ngày 04 tháng 03 năm 2025Ngày 03 tháng 03 năm 2025

P. TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Hồng Đạt

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: PA9.9

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110036	Nguyễn Gia Huy	28/01/2005	C25KT2		9,0	Chín phẩy không	
2	2310110029	Từ Thiện Hữu	14/01/2005	C25KT2		7,0	Bảy phẩy không	
3	2310110034	Hà Đặng Công Minh	22/06/2005	C25KT2		7,5	Bảy phẩy năm	
4	2310110035	Phạm Thu Ngân	26/02/2005	C25KT2		6,5	Sáu phẩy năm	
5	2310110037	Nguyễn Hoàng Nghĩa	21/06/2005	C25KT2		7,5	Bảy phẩy năm	
6	2310110030	Ngô Thị Thảo Ngọc	18/01/2005	C25KT2		7,5	Bảy phẩy năm	
7	2310110050	Nguyễn Kim Ngọc	09/06/2004	C25KT2		10,0	Mười	
8	2310110043	Đặng Thị Quỳnh Như	10/01/2005	C25KT2		10,0	Mười	
9	2310110051	Trần Thị Yến Oanh	03/07/2005	C25KT2		9,0	Chín phẩy không	
10	2310110049	Nguyễn Nhật Hà Uyên	01/10/2005	C25KT2		10,0	Mười	
11	2310110047	Nguyễn Hoàng Gia Quỳnh	02/09/2005	C25KT2		10,0	Mười	
12	2310110027	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/12/2005	C25KT2		7,5	Bảy phẩy năm	
13	2310110045	Lại Thụy Thanh Trúc	11/03/2005	C25KT2		8,5	Tám phẩy năm	
14	2310110046	Bùi Thị Ánh Tuyết	17/06/2005	C25KT2		10,0	Mười	
15	2310110048	Mai Thị Thế Vy	12/09/2005	C25KT2		6,5	Sáu phẩy năm	
16	2310110028	Nguyễn Thị Yến Vy	26/09/2005	C25KT2		6,5	Sáu phẩy năm	
17	2310120002	Nguyễn Thị Như Ý	13/05/2002	C25KT2		10,0	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV/ CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 . Số bài thi: 17 / 17 .Ngày 18 tháng 03 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa.Ngày 18 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Mã lớp học phần: 24211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: PM3

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt Chọn	19/03/2005	C25KT1	<u>Luu</u>	<u>10,0</u>	<u>mười</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 04 tháng 03 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Ngày 03 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt
Trần Hồng Đạt

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Mã lớp học phần: 24211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: PM3

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310110019	Lữ Việt Chọn	19/03/2005	C25KT1	<u>Shuu</u>	<u>10,0</u>	<u>muoi</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .Ngày 18 tháng 3 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TrầnTrần Phú HòaNgày 17 tháng 03 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt